

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày tuyển dụng	Ngày thôi việc	Đang làm việc	Chứng chỉ hành nghề MG			Chứng chỉ hành nghề PT			Chứng chỉ hành nghề QU			Số CCCD gần nhất	Số điện thoại trên CCHN
						Số Chứng chỉ MG	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ PT	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ QU	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề		
20	Võ An Hải	23/06/1972	01/03/2008		x				01379	29/09/2009		001376	03/02/2016			
21	Đặng Anh Hào	15/09/1984	15/04/2020		x				002602	23/06/2022						
22	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/11/1985	02/10/2007		x				00790	20/04/2009		001284	10/08/2015			
23	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/11/1976	01/05/2009		x	001627	21/03/2011		002319	16/09/2016						
24	Phạm Ngọc Hiệp	03/05/1978	18/11/2019		x							001391	16/03/2016			
25	Đào Huy Hoàng	02/02/1991	15/09/2016		x	004473	13/06/2018									
26	Nguyễn Minh Hoàng	09/11/1983	15/08/2005		x	002690	22/07/2014									
27	Hà Ngọc Hùng	29/08/1978	01/06/2006		x				00780	20/04/2009						
28	Trần Liên Hương	18/05/1981	01/03/2008		x	007611	22/06/2023									
29	Lâm Thị Thu Hường	17/08/1983	01/10/2006		x				00774	20/04/2009						
30	Nguyễn Thị Thu Hường	01/09/1983	20/11/2023		x	001981	01/11/2011									
31	Nguyễn Quang Huy	02/11/1989	25/08/2020		x							002482	21/03/2024			
32	Trần Thị Như Huyền	18/08/1997	01/01/2023		x							002558	24/05/2024			
33	Vũ Thị Lệ	21/05/1980	02/01/2003		x	002612	04/04/2014									
34	Nguyễn Hoàng Liên	11/03/1979	01/01/2017		x							001652	12/02/2018			
35	Nguyễn Thị Hồng Liên	06/11/1984	05/09/2009		x	002619	18/04/2014		002281	15/04/2016						
36	Nguyễn Thị Thủy Linh	03/09/1981	20/05/2020		x				01311	28/08/2009						
37	Hoàng Thị Thủy Linh	04/11/1985	24/09/2007		x							001301	28/08/2015			
38	Nguyễn Tùng Linh	24/04/1989	15/05/2020		x				002661	27/03/2023						
39	Dương Thủy Linh	27/10/2000	15/11/2022		x	008922	04/04/2024									
40	Chu Thị Khánh Loan	03/08/1984	01/06/2006		x				001416	05/10/2009						
41	Phạm Thị Thanh Mai	10/09/1987	01/04/2010		x	002342	19/06/2013									
42	Vũ Đức Mạnh	12/02/1981	11/11/2021		x							000716	26/10/2010			
43	Phùng Tường Nam	08/08/1997	09/04/2021		x	007979	03/10/2023									
44	Bùi Diệu Hằng Nga	24/02/1980	08/01/2017		x	004832	24/01/2019									
45	Ngô Thị Nga	28/11/1992	01/08/2017		x							002228	19/09/2023			
46	Tạ Cường Ngọc	26/05/1997	01/01/2022		x				002887	14/05/2024						
47	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	25/03/1984	15/10/2006		x				00784	20/04/2009						
48	Lê Thị Hồng Nhung	16/06/1982	03/07/2006		x				00775	20/04/2009						
49	Phạm Thị Quỳnh Nương	03/02/1985	01/08/2017		x	01190	05/11/2009									
50	Vũ Lan Phương	01/04/1990	15/09/2016		x	004216	02/11/2017					002509	09/04/2024			



Handwritten signature

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày tuyển dụng	Ngày thôi việc	Đang làm việc	Chứng chỉ hành nghề MG			Chứng chỉ hành nghề PT			Chứng chỉ hành nghề QU			Số CCCD gần nhất	Số điện thoại trên CCHN
						Số Chứng chỉ MG	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ PT	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ QU	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề		
51	Trịnh Thị Thu Phương	18/08/1984	24/9/2007		x	01152	12/10/2009					001114	04/06/2014			
52	Nguyễn Bích Phương	15/12/1979	16/03/2015		x				00932	06/05/2009						
53	Phan Trường Sinh	20/06/1987	01/06/2020		x				002691	15/05/2023						
54	Trần Thị Ngọc Tài	05/06/1982	31/03/2022		x				000376	14/04/2022		000060	05/07/2022			
55	Thái Thị Minh Tâm	19/05/1978	31/01/2002		x				00776	20/04/2009						
56	Huỳnh Thị Tâm	01/10/1975	01/09/2000		x	00667	17/04/2009		01159	29/07/2009						
57	Đặng Thị Thắm	01/01/1990	15/05/2016		x				002365	23/02/2017						
58	Dương Đình Thắng	08/08/1983	01/10/2006		x				00797	20/04/2009		001636	25/12/2017			
59	Võ Thị Thái Thanh	18/01/1978	01/09/2000		x				001415	05/10/2009						
60	Trần Hoài Thanh	23/09/1982	10/11/2008		x	002633	16/05/2014									
61	Trần Trung Thành	03/05/1990	05/11/2020		x	007980	03/10/2023									
62	Nguyễn Thị Minh Thảo	29/10/1984	24/09/2007		x				00789	20/04/2009						
63	Nguyễn Thị Dạ Thảo	14/03/1993	01/04/2021		x	006605	21/08/2020									
64	Lê Diệu Thúy	20/04/1974	01/08/2016		x	003812	12/12/2016									
65	Nguyễn Thị Hồng Thúy	15/03/1981	01/01/2010		x	002344	19/06/2013		002278	13/04/2016						
66	Đỗ Thị Thu Thúy	10/03/1995	20/05/2022		x	008482	31/01/2024									
67	Nguyễn Việt Thúy	20/03/1994	01/09/2018		x	007592	14/06/2023									
68	Nguyễn Thị Phương Tinh	25/03/1975	01/06/2006		x				00802	20/04/2009						
69	Nguyễn Thị Ngọc Trang	05/11/1993	17/08/2015		x							002284	17/10/2023			
70	Đào Tuấn Trung	11/05/1986	20/02/2016		x							001619	06/11/2017			
71	Nguyễn Việt Trung	25/01/1985	28/12/2009		x	002399	22/07/2013									
72	Đặng Đình Tú	17/03/1984	24/12/2007		x	001628	21/03/2011									
73	Lê Thanh Tùng	11/06/1984	01/12/2015		x	002609	04/04/2014		002186	21/07/2015						
74	Lưu Thị Tuyền	09/12/1982	15/07/2017		x				00108	11/03/2009						
75	Đỗ Ánh Tuyết	23/03/1985	01/03/2009		x	01170	26/10/2009									
76	Hoàng Thị Mai Ước	27/08/1988	01/08/2017		x				002445	23/07/2018						
77	Vũ Thị Hải Vân	18/11/1984	01/10/2006		x				00785	20/04/2009		001333	19/10/2015			
78	Đặng Thị Quỳnh Vân	26/02/1996	01/08/2023		x				002478	20/02/2019						
79	Trần Thị Vi	05/01/1980	02/01/2007		x	001629	21/03/2011		002223	28/10/2015						
80	Nguyễn Thị Vi	23/07/1995	01/09/2021		x	006713	12/11/2020									
81	Dương Thị Vinh	10/07/1988	01/09/2017		x	004685	28/11/2018									
82	Nguyễn Yên Vy	25/12/1983	15/08/2005		x				01253	05/08/2009						

07 - 0
NG T
PHÂN
G KHO
G CÔNG T
T NAM
EM - 1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày tuyển dụng	Ngày thôi việc	Đang làm việc	Chứng chỉ hành nghề MG			Chứng chỉ hành nghề PT			Chứng chỉ hành nghề QU			Số CCCD gần nhất	Số điện thoại trên CCHN
						Số Chứng chỉ MG	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ PT	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề	Số chứng chỉ QU	Ngày cấp	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu trên chứng chỉ hành nghề		
83	Trần Thị Xuân	15/12/1984	17/12/2008		x	001743	05/07/2011									
84	Nguyễn Việt Hằng	01/10/1994	01/08/2023		x							002560	29/05/2024	001194021344		
85	Lê Thị Thanh Hiền	08/02/1995	10/11/2017	01/07/2023		004671	14/11/2018									
86	Nguyễn Xuân Trường	10/6/1995	15/10/2022	01/02/2023		004620	09/10/2018									
87	Tạ Minh Thành	01/06/1986	15/08/2017	20/09/2022		005222	02/10/2019									
88	Nguyễn Thị Thanh Thủy	02/09/1988	05/11/2013	15/08/2022		002925	31/03/2015									
89	Phạm Thu Hằng	29/06/1985	17/11/2006	15/08/2022					00786	20/4/2009						
90	Đoàn Thị Hương Giang	17/05/1980	26/06/2008	11/08/2022		002455	17/10/2013									
91	Thái Hoàng Long	23/04/1970	01/09/2016	15/07/2022					00851	15/05/2009						
92	Nguyễn Việt Dũng	22/01/1982	11/8/2010	01/05/2022								001096	5/5/2014	012067511		
93	Hoàng Phước Quyền	09/08/1990	15/09/2016	30/04/2022		003441	21/03/2016		002520	22/10/2019						
94	Đồng Duy Lâm	02/11/1986	15/08/2015	01/04/2022		003944	24/03/2017									
95	Phan Hải Sâm	23/03/1975	18/06/2009	30/03/2022					002323	16/9/2016		001771	29/3/2019	011772233		
96	Nguyễn Bích Diệp	17/07/1981	15/08/2005	01/08/2021					00794	20/4/2009						
97	Phạm Thái Hà	28/07/1993	15/09/2016	01/07/2021		004303	02/01/2018									
98	Nguyễn Thị Thanh Bình	29/06/1989	15/06/2020	16/06/2021		002350	19/06/2013									
99	Lê Thị Tư	06/11/1994	01/08/2018	15/03/2021		004648	02/11/2018									
100	Lê Thị Thanh Hồng	22/12/1965	01/11/2006	01/01/2021					00791	20/04/2009						

Người lập biểu



Ngô Thị Bích Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật



Trần Phúc Vinh

